

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ GIA NGHĨA
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 30/3/2018

*“V/v: Không công nhận quan hệ
vợ chồng”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ GIA NGHĨA, TỈNH ĐẮK NÔNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Yên.

Các hội thẩm nhân dân: Bà Đặng Thị Tâm và ông Trần Văn Ất.

- Thư ký phiên toà: Bà Trương Thị Thúy - Cán bộ Toà án nhân dân thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Gia Nghĩa tham gia phiên toà:
Ông Phan Xuân Hoàng – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2018, tại phòng xử án Tòa án nhân dân thị xã Gia Nghĩa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 214/2017/TLST - HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2017 về việc: *"Không công nhận quan hệ vợ chồng"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2018/QĐXX - ST, ngày 15 tháng 3 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Vũ Thị Bích H, sinh năm: 1978.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã N, thị xã X, tỉnh Đắk Nông – Có mặt

2. *Bị đơn:* Anh Vũ Đức T, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã N, thị xã X, tỉnh Đắk Nông – Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 06/12/2017 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày:

Chị Vũ Thị Bích H và anh Vũ Đức T tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1994 và không có đăng ký kết hôn. Lý do không đăng ký kết hôn là do bận công việc và không hiểu biết pháp luật. Vợ chồng chị H và anh T sống rất hạnh phúc thời gian đầu nhưng gần 4 năm nay hai vợ chồng thường bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn vợ chồng thường xuyên xảy ra, vợ chồng không thương yêu, tôn trọng nhau; đã sống ly thân từ năm 2013 đến nay. Nay do tình trạng hôn nhân của anh chị ngày càng trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên chị Vũ Thị Bích H yêu cầu Toà án giải quyết với anh T bằng bản án tuyên bố không công nhận là vợ chồng.

Về con chung: Các con chung Vũ Thu T, sinh năm 1994 và Vũ Hoàng Minh N, sinh năm 1995 đã trưởng thành (trên 18 tuổi) nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; nguyện vọng của chị H là được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo

dục hai con chung Vũ Hoài Thảo N, sinh ngày 23/9/2005 và Vũ Hoàng Nhật D, sinh ngày 27/11/2007 đến khi hai con đủ 18 tuổi và không yêu cầu anh Vũ Đức T cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và công nợ: Chị Vũ Thị Bích H và anh Vũ Đức T đã tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập.

Tại bản tự khai và biên bản lấy lời khai bị đơn anh Vũ Đức T trình bày:
Anh Vũ Đức T đồng ý với lời khai của chị Vũ Thị Bích H về thời gian chung sống, tình trạng hôn nhân và con chung. Anh cũng đồng ý yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng và đồng ý giao cháu Vũ Hoài Thảo N, sinh ngày 23/9/2005 và Vũ Hoàng Nhật D, sinh ngày 27/11/2007 cho chị Vũ Thị Bích H chăm sóc đến khi hai con đủ 18 tuổi và anh Vũ Đức T không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và công nợ anh cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa nguyên đơn chị Vũ Thị Bích H vẫn giữ nguyên nội dung yêu cầu khởi kiện, không có ý kiến gì bổ sung.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Gia Nghĩa tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử đúng theo quy định của pháp luật, hoạt động xét xử tiến hành khách quan và đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14, Điều 15, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014:

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vũ Thị Bích H.

- Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận chị Vũ Thị Bích H và anh Vũ Đức T là vợ chồng.

- Về con chung: Các con chung Vũ Thu T, sinh năm 1994; Vũ Hoàng Minh N đã trên 18 tuổi nên không đề cập giải quyết, nguyện vọng của chị H là trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Vũ Hoài Thảo N và Vũ Hoàng Nhật D đến khi hai con đủ 18 tuổi và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và công nợ: chị Vũ Thị Bích H và anh Vũ Đức T tự thỏa thuận với nhau không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn chị Vũ Thị Bích H có yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề không công nhận chị H và anh Vũ Đức T là vợ chồng nên Hội đồng xét xử xét thấy đây là quan hệ pháp luật “*Không công nhận quan hệ vợ chồng*”. Bị đơn anh T hiện đang thường trú tại thôn Đ, xã N, thị xã X, tỉnh Đắk Nông nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Gia Nghĩa là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Xét nội dung yêu cầu khởi kiện của Vũ Thị Bích H Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị Bích H và anh Vũ Đức T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1994 đến nay nhưng không có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền mặc dù có đủ điều kiện đi đăng ký kết hôn là đã vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình.

Khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình quy định:

“1. Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng...”

Mặc khác, trong quá trình chung sống chị H và anh T thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, không còn tin tưởng nhau trong cuộc sống, tính tình hai bên không hợp, bất đồng quan điểm sống, cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc, nên chị H làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ giữa chị H và anh T là vợ chồng. Như vậy, yêu cầu của chị H là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị H và anh T đã thỏa thuận được với nhau về con chung và có yêu cầu Tòa án ghi nhận trong bản án, nên căn cứ vào Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình và cũng phù hợp với nguyện vọng của các cháu nên Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể: Giao con chung là các cháu Vũ Hoài Thảo N, sinh ngày 23/9/2005 và Vũ Hoàng Nhật D, sinh ngày 27/11/2007 cho chị Vũ Thị Bích H được trực tiếp chăm sóc, trông nom, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con chung trưởng thành là đủ 18 tuổi.

Trong trường hợp anh Vũ Đức T lợi dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì chị H có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh T.

Chị H có quyền yêu cầu anh T thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân gia đình, yêu cầu anh T cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Chị H cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở anh T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Vũ Đức T không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Khi có lý do chính đáng mức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết quy định tại Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về tài sản chung: Chị Vũ Thị Bích H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết. Về nợ chung chị Vũ Thị Bích H và anh Vũ Đức T không có nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Vũ Thị Bích H phải nộp tiền án dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14, Điều 15, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014:

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vũ Thị Bích H.

- Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận chị Vũ Thị Bích H và anh Vũ Đức T là vợ chồng.

- Về con chung công nhận sự thỏa thuận giữa chị Vũ Thị Bích H và anh Vũ Đức T: Giao con chung là các cháu Vũ Hoài Thảo N, sinh ngày 23/9/2005 và Vũ Hoàng Nhật D, sinh ngày 27/11/2007 cho chị Vũ Thị Bích H được trực tiếp chăm sóc, trông nom, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con chung trưởng thành là đủ 18 tuổi.

Trong trường hợp anh Vũ Đức T lợi dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì chị H có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh T.

Chị H có quyền yêu cầu anh T thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân gia đình, yêu cầu anh T cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Chị H cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở anh T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Vũ Đức T không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Khi có lý do chính đáng mức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết quy định tại Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình.

- Về tài sản chung và công nợ: Tòa án không giải quyết.

- Về án phí: Căn cứ khoản 3 Điều 144; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; áp dụng điểm b khoản 1 Điều 3, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*), chị Vũ Thị Bích H phải nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn được khấu trừ vào số tiền chị H đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0001701 ngày 18/12/2017, tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Gia Nghĩa.

- Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND TX. Gia Nghĩa;
- Chi cục THADS TX. Gia Nghĩa;
- UBND xã N;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Yến